ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Chức danh nghề nghiệp Giảng viên đại học
Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: từ ngày 05/5/2023 đến ngày 11/6/2023
Hội đồng thi/kiểm tra (nếu có):
Quyết đinh công nhận tốt nghiệp số: 1194/QĐ-ĐHSP ngày 11/7/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP - ĐHĐN
Địa điểm đặt lớp: Đại học Đà Nẵng

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	**Trương Trần Trâm**	**Anh**	06/12/1987	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045708	DDS.CDN.01165 .23		
2	**Nguyễn Vân**	**Anh**	02/02/1993	Hà Nội	Nữ	Kinh	đạt	0045709	DDS.CDN.01166 .23		
3	**Trịnh Thế**	**Anh**	08/08/1983	Thái Bình	Nam	Kinh	đạt	0045710	DDS.CDN.01167 .23		
4	**Trần Thanh**	**Bình**	16/12/1985	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045711	DDS.CDN.01168 .23		
5	**Đặng Thiên**	**Bình**	18/11/1983	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045712	DDS.CDN.01169 .23		
6	**Mai Hà Thanh**	**Bình**	31/07/1995	Gia Lai	Nữ	Kinh	đạt	0045713	DDS.CDN.01170 .23		
7	**Nguyễn Bá Vũ**	**Chính**	15/12/1986	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045714	DDS.CDN.01171 .23		
8	**Nguyễn Võ**	**Đạo**	17/07/1982	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045715	DDS.CDN.01172 .23		
9	**Võ Duy**	**Đức**	21/02/1995	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045716	DDS.CDN.01173 .23		
10	**Phạm Thị Kiều**	**Duyên**	04/12/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	đạt	0045717	DDS.CDN.01174 .23		
11	**Nguyễn Văn**	**Giang**	24/12/1974	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	đạt	0045718	DDS.CDN.01175 .23		

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
12	**Huỳnh**	**Hải**	06/04/1981	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045719	DDS.CDN.01176 .23		
13	**Nguyễn Thị Bích**	**Hằng**	06/01/1982	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045720	DDS.CDN.01177 .23		
14	**Nguyễn Thị Mỹ**	**Hằng**	11/10/1988	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045721	DDS.CDN.01178 .23		
15	**Nguyễn Thị Bích**	**Hạnh**	05/09/1992	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045722	DDS.CDN.01179 .23		
16	**Lê Minh**	**Hiếu**	17/03/1986	Huế	Nam	Kinh	đạt	0045723	DDS.CDN.01180 .23		
17	**Kiều Thị**	**Hòa**	31/03/1987	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045724	DDS.CDN.01181 .23		
18	**Lê Thanh**	**Hòa**	12/03/1987	Quảng Bình	Nam	Kinh	đạt	0045725	DDS.CDN.01182 .23		
19	**Võ Đức**	**Hoàng**	10/06/1983	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045726	DDS.CDN.01183 .23		
20	**Nguyễn Thanh**	**Hoàng**	12/03/1989	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045727	DDS.CDN.01184 .23		
21	**Nguyễn Thị**	**Hồng**	10/02/1991	Quảng Bình	Nữ	Kinh	đạt	0045728	DDS.CDN.01185 .23		
22	**Trần Thị Kim**	**Hồng**	31/03/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045729	DDS.CDN.01186 .23		
23	**Lê Thị Diệu**	**Hương**	08/08/1985	Hà Nội	Nữ	Kinh	đạt	0045730	DDS.CDN.01187 .23		
24	**Nguyễn Thu**	**Hương**	12/12/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045731	DDS.CDN.01188 .23		
25	**Nguyễn Quốc**	**Huy**	21/06/1986	Nghệ An	Nam	Kinh	đạt	0045732	DDS.CDN.01189 .23		
26	**Nguyễn Văn**	**Huy**	16/07/1986	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045733	DDS.CDN.01190 .23		
27	**Nguyễn Gia**	**Huy**	25/08/1997	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045734	DDS.CDN.01191 .23		
28	**Trịnh Lê**	**Huyên**	10/08/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	đạt	0045735	DDS.CDN.01192 .23		

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
29	**Đàm Nguyễn Anh**	**Khoa**	28/05/1986	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045736	DDS.CDN.01193 .23		
30	**Nguyễn Danh**	**Khôi**	10/06/1986	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045737	DDS.CDN.01194 .23		
31	**Lưu Đức**	**Lịch**	15/11/1988	Nghệ An	Nam	Kinh	đạt	0045738	DDS.CDN.01195 .23		
32	**Phan Nhật**	**Long**	16/01/1989	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045739	DDS.CDN.01196 .23		
33	**Nguyễn Công**	**Luyến**	10/12/1989	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	đạt	0045740	DDS.CDN.01197 .23		
34	**Phan Thị Cẩm**	**Luyến**	17/03/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045741	DDS.CDN.01198 .23		
35	**Hồ Thị Thanh**	**Mai**	07/08/1988	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045742	DDS.CDN.01199 .23		
36	**Nguyễn Hữu Nhật**	**Minh**	29/09/1990	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045743	DDS.CDN.01200 .23		
37	**Đoàn Ngọc Trà**	**My**	12/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045744	DDS.CDN.01201 .23		
38	**Trần Thị Diễm**	**Na**	02/09/1992	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045745	DDS.CDN.01202 .23		
39	**Đoàn Thị Hoài**	**Nam**	18/06/1983	Thành phố Huế	Nữ	Kinh	đạt	0045746	DDS.CDN.01203 .23		
40	**Phan Thị Hằng**	**Nga**	19/08/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045747	DDS.CDN.01204 .23		
41	**Phạm Văn**	**Ngọc**	07/09/1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045748	DDS.CDN.01205 .23		
42	**Trần Lê Hương**	**Nguyên**	20/01/1994	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	đạt	0045749	DDS.CDN.01206 .23		
43	**Vũ Thành**	**Nhân**	17/04/1996	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045750	DDS.CDN.01207 .23		
44	**Nguyễn Thị Hồng**	**Nhung**	03/02/1986	Nam Định	Nữ	Kinh	đạt	0045751	DDS.CDN.01208 .23		
45	**Nguyễn Thành**	**Phương**	02/01/1996	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045752	DDS.CDN.01209 .23		

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
46	**Nguyễn Văn**	**Quang**	26/04/1988	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045753	DDS.CDN.01210 .23		
47	**Nguyễn Phú**	**Sinh**	03/07/1987	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045754	DDS.CDN.01211 .23		
48	**Hoàng**	**Thắng**	01/05/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045755	DDS.CDN.01212 .23		
49	**Nguyễn Văn**	**Thắng**	06/07/1994	Quảng Bình	Nam	Kinh	đạt	0045756	DDS.CDN.01213 .23		
50	**Nguyễn Trọng Công**	**Thành**	21/01/1977	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045757	DDS.CDN.01214 .23		
51	**Võ Nguyên Dạ**	**Thảo**	26/01/1980	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045758	DDS.CDN.01215 .23		
52	**Nguyễn Phương**	**Thảo**	02/04/1995	Nghệ An	Nữ	Kinh	đạt	0045759	DDS.CDN.01216 .23		
53	**Nguyễn Chí**	**Thiện**	18/02/1981	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045760	DDS.CDN.01217 .23		
54	**Đoàn Minh**	**Thu**	16/09/1991	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045761	DDS.CDN.01218 .23		
55	**Nguyễn Đặng Hoàng**	**Thư**	01/09/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045762	DDS.CDN.01219 .23		
56	**Nguyễn Thị Thanh**	**Thúy**	09/03/1993	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045763	DDS.CDN.01220 .23		
57	**Nguyễn Thị Thanh**	**Thúy**	01/11/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045764	DDS.CDN.01221 .23		
58	**Nguyễn Thị**	**Thủy**	24/09/1976	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	đạt	0045765	DDS.CDN.01222 .23		
59	**Lê Thị Bích**	**Thủy**	28/11/1997	Quảng Bình	Nữ	Kinh	đạt	0045766	DDS.CDN.01223 .23		
60	**Lê Minh**	**Tiến**	17/09/1980	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045767	DDS.CDN.01224 .23		
61	**Nguyễn Sỹ**	**Toàn**	06/02/1987	Nghệ An	Nam	Kinh	đạt	0045768	DDS.CDN.01225 .23		
62	**Hồ Thị Thu**	**Trang**	27/09/1989	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045769	DDS.CDN.01226 .23		

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
63	**Nguyễn Thị Phương**	**Trang**	10/01/1985	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0045770	DDS.CDN.01227 .23		
64	**Trương Thị Khánh**	**Trang**	16/10/1984	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	đạt	0045771	DDS.CDN.01228 .23		
65	**Nguyễn Thị Kim**	**Trúc**	18/12/1985	Gia Lai	Nữ	Kinh	đạt	0045772	DDS.CDN.01229 .23		
66	**Phạm**	**Tuấn**	26/03/1987	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045773	DDS.CDN.01230 .23		
67	**Trần Nguyễn Hồng**	**Vân**	08/10/1993	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0045774	DDS.CDN.01231 .23		
68	**Bùi Quốc**	**Việt**	01/02/1989	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045775	DDS.CDN.01232 .23		
69	**Phạm Ngọc**	**Vinh**	10/02/1989	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0045776	DDS.CDN.01233 .23		
70	**Trần Thiện**	**Vũ**	09/12/1983	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045777	DDS.CDN.01234 .23		
71	**Hoàng Nguyên**	**Vũ**	20/05/1984	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0045778	DDS.CDN.01235 .23		

Danh sách này có 71 học viên được cấp chứng chỉ./.

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang